

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP DỰ KIẾN BÓ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn qua phường Trảng Bom)

(Niêm yết công khai)

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPPĐK	Căn cứ pháp lý	Bố trí TĐC	Ghi chú
I- CÁC TRƯỜNG HỢP ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG BẰNG GIAO ĐẤT Ở													
1	Đinh Văn Cương - Phạm Thị Duyên	76	159	1835,6	1764,1	71,50	ODT+CLN (300m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Ông Đinh Văn Cương và bà Phạm Thị Duyên có đơn xin giữ lại 60m ² đất ở tại vị trí thửa đất thu hồi để xây dựng nhà ở theo nội dung đơn ngày 28/5/2026. - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 71.5 - 60.0 = 11.5m ²		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 NĐ 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở	Tại buổi họp trực tiếp người dân lấy ý kiến PABT, TTPTQP đã giải thích nội dung đề nghị để lại 60m ² đất ở của hộ dân không phù hợp vì phần dt còn lại góc nhỏ không đảm bảo xây dựng nhà ở và theo XN nguồn gốc đất của UBND nên vẫn bồi thường hết đất ở (300m ²), đã phê duyệt PABT.
2	Vũ Văn Chính	76	444	154,2	154,2	0,00	ODT+CLN (100m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Hết diện tích đất nông nghiệp sau khi thu hồi.		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 NĐ 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở	
3	Hoàng Thị Tài	76	445	1265,3	1265,3	0,00	ODT+CLN (200m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026).		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 NĐ 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở	

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPKK	Căn cứ pháp lý	Bồi thường bằng	Ghi chú
4	Lý Cún Cú	76	191	2107	1266,2	1833,10	ODT+CLN (300m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm và đơn ngày 22/5/2026). - Còn nhà ở tại vị trí thửa đất thu hồi. Ngoài ra không còn nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 07/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 1833.1m2 (43.6m² quy hoạch đất ở diện tích còn lại quy hoạch DGT) 		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở.	Bồi thường bằng đất ở.	
		76	161	1224	1152,3		HNK						
		76	1040	2879,8	1959,2		LUK						
5	Huỳnh Văn Bình và bà Đinh Thị Tuyết Nga	76	380	1100,5	1100,5	0,00	ODT+HNK (100m2)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 07/6/2026). - Hết diện tích đất nông nghiệp sau khi thu hồi. 		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024, điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.	
6	Vương Thị Hoa	74	1152	1575,3	383,6	1191,70	ODT+CLN (300m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 29/04/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 1191.7m2 (8.5m² quy hoạch đất ở diện tích còn lại quy hoạch DGT) 		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024, điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.	
7	Mai Phương Đình	76	428	458	337,6	120,40	ODT+HNK (100m2 đất ở)	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân.	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thu hồi hết đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc với bà Mai Phương Đình ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). 		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 NĐ 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.	
		76	553	500	500	0,00	ODT+ vườn (150m2 đất ở)						
8	Phạm Văn Định	76	552	500	305,7	194,30	ODT+CLN (150m2 đất ở)	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân.	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thu hồi hết đất ở và nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 68.3m2 		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 NĐ 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.	

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPKK	Căn cứ pháp lý	Bổ trí TĐC	Ghi chú	
9	Võ Nhất Thanh, Đinh Bạt Thào, Nguyễn Thị Hà, Đinh Văn Hòa, Phạm Thị Hoa, Lê Thị Hoàng Yến, Bùi Tấn Phúc	76	1094	1314	1148,4	165,6	ODT+HNK (200m2 đất ở)	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi hết đất ở, trên đất có 02 nhà ở, phải di chuyển chỗ ở.		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024, điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.	01 lô đất ở	
10	Trần Văn Vinh	82	214	4540	4483,4	56,60	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết đất ở và nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026).		Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Bồi thường bằng giao đất ở.		
		82	62	623	623	0,00	ODT+CLN (300m2 đất ở)							
11	Nguyễn Thanh Phong	76	1151	160,6	129,7	30,90	ODT+CLN (69,2m2 đất ở)	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm			Căn cứ Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở.			
12	Nguyễn Văn Minh	75	50	982	671,5	310,50	ODT+CLN (51,6m2 đất ở)	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi diện tích 671,5m2 (51,6m2 đất ở + 619,9m2 đất CLN) diện tích còn lại 310,5m2 (trong đó có 248,1m2 đất ở +62,1m2 đất CLN). - Phải di chuyển chỗ ở do phần diện tích thu hồi và ảnh hưởng có nhà ở (theo biên bản kiểm đếm).		- Trường hợp thu hồi hết đất ở, nếu không còn đất ở, nhà ở khác tại địa phương thì đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở. - Trường hợp thu hồi hết đất ở, nếu còn đất ở, nhà ở khác tại địa phương thì không đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	- Trường hợp thu hồi hết đất ở, nếu không còn đất ở, nhà ở khác tại địa phương thì đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở. - Trường hợp hộ dân đề nghị thu hồi hết 300m2 đất ở trong ranh thu hồi dự án; nếu không còn đất ở, nhà ở khác tại địa phương thì không đủ điều kiện được bồi thường bằng giao đất ở.	Diện tích đất ở còn lại 248,4m2, tuy nhiên thuộc quy hoạch đất giao thông. Không đủ điều kiện xin phép xây dựng nhà ở.	
II- CÁC TRƯỜNG HỢP ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT Ở CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT														
1	Lăng Văn Bé	82	350	1000	1000	0,00	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026).		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất		

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPĐK	Căn cứ pháp lý	Bổ trí TDC	Ghi chú
2	Trần Thị Diệp	77	286	1283	1,9	11554,20	LUK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 18/04/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi là 11554.2m2.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
			287	1823	601,3								
			289	2804	2265,4								
			290	1434	1354,4								
			291	4383	1896,2								
3	Lăng Văn Đức	82	351	1273	1035,2	237,80	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 237,8m2		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
4	Hồ Dũng	82	5	12679,9	7388,4	5291,50	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 18/04/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 5291.5m2		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
5	Nghiêm Thị Quỳnh Như	76	190	1963	1963	0,00	HNK	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Hết diện tích đất nông nghiệp sau khi thu hồi.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
6	Hộ ông Châu Cá Trung	81	243	4342,6	3524,7	817,90	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Số hộ còn thành viên Lê Thị Mãn, Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 817.9m2 (Quy hoạch DGT +CLN).		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPĐK	Căn cứ pháp lý	Bố trí TĐC	Ghi chú
7	Cháu Nhật Kíu	81	242	1014,6	605,4	409,20	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNAILIS đến ngày 06/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 409.2m2 (Quy hoạch DGT +CLN)		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
8	Lương Văn Công và bà Nguyễn Thị Tuyền	76	578	834	811,5	22,50	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi đất nông nghiệp, thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNAILIS đến ngày 05/6/2026). Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 22.5m2		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
9	Hứa Văn Phón	74	292	3016	2475,2	540,80	HNK	Vị trí 2 - Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNAILIS đến ngày 07/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 540.8m2 (Quy hoạch DGT)		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
10	Hồ A Năm	74	688	6618,1	6133,3	3081,70	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông không nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNAILIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi là 2899,8m2		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
		74	889	1489	289,5		CLN						
		74	300	7111	5713,6		CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân					

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPDK	Căn cứ pháp lý	Bổ trí ĐC	Ghi chú
11	Nguyễn Văn Quyết và bà Nguyễn Thị Tuấn	76	579	1067	62,3	1004,70	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi đất nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp còn lại 1004,7m2 có quy hoạch là đất giao thông. - Phải di chuyển chỗ ở do phần diện tích thu hồi, ảnh hưởng đến nhà ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 04/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 04/6/2026).		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
12	Lê Văn Phúc và bà Nguyễn Thị Hương	76	577	862	862	0,00	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi toàn bộ thửa đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở do trên thửa đất có nhà ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường Trảng Bom (theo biên bản làm việc ngày 04/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 04/6/2026).		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
13	Hà Văn Tâm	74	137	10488,2	5199,6	5288,60	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh	- Bị thu hồi nhà tạm (theo biên bản kiểm đếm) phải di chuyển chỗ ở. - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 07/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 5288.6m2. - Ông Hà Văn Tâm không sinh sống tại vị trí đất thu hồi.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
14	Trần Văn Thân	82	397	1046,4	333,4	1235,20	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Ông Trần Văn Thân không sinh sống tại vị trí đất thu hồi.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
		82	398	1052,9	530,7		CLN						
15	Ngô Thị Kiều Trang	82	184	3104	3035,7	68,30	HNK	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 68.3m2		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPĐK	Căn cứ pháp lý	Bổ trí TĐC	Ghi chú
16	Phạm Trung Hiếu	75	48	2644	2636,8		CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân.	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở. - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương. - Ông Phạm Trung Hiếu không sinh sống tại vị trí đất thu hồi.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
		75	728	1062	1062		NTS						
17	Nguyễn Thị Tuyên	74	138	3691,7	3691,7	0,00	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 07/6/2026). - Hết diện tích đất nông nghiệp tại thửa đất sau khi thu hồi.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
18	Đỗ Văn Khiêm và bà Trần Thị Lán	81	249	1500	617,1	882,90	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương (theo biên bản làm việc ngày 05/6/2026 và dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi là 882,9m ² phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là đất ở đô thị		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	
19	Chánh A Sau	81	293	1000,2	591,7	408,50	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương. - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi là 408.5m ²		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024. Đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn qua phường Trảng Bom)

(Niêm yết công khai)

STT	Người sử dụng đất	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại	Loại đất	Vị trí đất thu hồi	Xác nhận của UBND Phường Trảng Bom	CCTT của VPĐK	Căn cứ pháp lý	Bố trí TĐC
I- TRƯỜNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT Ở CÒN LẠI LỚN HƠN HẠN MỨC TÁCH THỪA - KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ TĐC												
1	Châu Cá Khin	81	234	5963,7	4711,7	1252,00	ODT+CLN (100m2 đất ở)	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Bị thu hồi đất ở, nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo bản kiểm đếm). - Ông Châu Cá Khin xin giữ lại 200m ² đất ở tại vị trí thửa đất thu hồi theo bản làm việc ngày 26/5/2026. - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 1252 -200 = 1052m ²		Diện tích đất ở còn lại 248,4m ² >60m ² (diện tích tối thiểu tách thửa). Không thuộc quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điểm a khoản 2 Điều 11 ND 88/2024/NĐ-CP.	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
II- CÁC TRƯỜNG HỢP CÓ NHÀ Ở, KHÔNG THU HỒI HẾT DIỆN TÍCH NHÀ Ở - KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ TĐC												
1	Phan Văn Huỳnh	76	351	1010,3	240,3	770,00	HNK	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	Chỉ bị thu hồi 1 phần mái hiên trước nhà, Không bị thu hồi hết nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở, vẫn còn nhà ở sau khi thu hồi (phần nhà còn lại)		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điều kiện để bố trí TĐC là phải di chuyển chỗ ở. Ông Huỳnh không phải thu hồi nhà ở, Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024.	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
2	Trần Văn Thu - Nguyễn Thị Xuân	76	1108	1008	220,8	787,20	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Không bị thu hồi hết nhà ở, vẫn còn nhà ở sau khi thu hồi (phần nhà ở còn lại) theo biên bản kiểm đếm nên không di chuyển chỗ ở.		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điều kiện để bố trí TĐC là phải di chuyển chỗ ở. Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024.	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

3	Phạm Hồng Thanh và bà Lê Thị Tiểu Nhi	81	233	4904,4	1674,5	3229,90	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Tráng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh	- Không bị thu hồi hết nhà ở, vẫn còn nhà ở sau khi thu hồi (phần nhà ở còn lại) theo biên bản kiểm đếm. - Không phải di chuyển chỗ ở		Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024; điều kiện để bố trí TĐC là phải di chuyển chỗ ở. Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024.	Không đủ điều kiện bố trí tái định cư
III- CÁC TRƯỜNG HỢP CÒN ĐẤT Ở NHÀ Ở KHÁC- ĐỊA PHƯƠNG KHÔNG CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ QUỸ ĐẤT Ở (Khoản 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024)												
1	Phan Văn Hải	76	550	809,6	637,4	172,20	CLN	Vị trí 1 - Đường Tráng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở khác tại địa phương (tại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 95; thửa đất số 925, tờ bản đồ số 83) theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi là 172,2m2		Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
2	Nguyễn Văn Kim và bà Nguyễn Thị Trang	76	575	1055	1055	0,00	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Tráng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở nhưng còn đất ở, nhà ở khác tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 51, phường Tráng Bom	VB số 677/VPĐK.TB-TTLT ngày 05/6/2026. Còn thửa đất khác. Thửa 176/51 diện tích 10.790,1m2 đất ONT+CLN. Số giấy DC 282969 ngày chính lý giấy 23/8/2024.	- Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
3	Nguyễn Hữu Thanh và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	76	431	225	225	0,00	HNK	Vị trí 1 - Đường Tráng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở khác tại địa phương (tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 54 theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 06/6/2026). - Hết diện tích đất nông nghiệp sau khi thu hồi.	VB số 677/VPĐK.TB-TTLT ngày 05/6/2026. Còn thửa đất khác. Thửa 510/54 diện tích 6817,7m2 đất ONT+CLN+NTS. Số giấy CU 932945 cấp ngày 03/3/2020.	Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	- Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
4	Nguyễn Thị Thùy Trang	76	554	775,4	774,9	0,50	CLN	Vị trí 1 - Đường Tráng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi đất nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp còn lại 0,5m2. - Phải di chuyển chỗ ở. - Còn nhà ở khác tại địa phương (tại thửa đất số 1708 tờ bản đồ số 110) theo dữ liệu DNALLIS đến ngày 05/6/2026)		Còn nhà ở khác (thửa 1708/110). Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024 không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	- Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
5	Vòng A Dương	76	1093	1000	945,1	54,90	HNK	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Tráng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 76	VB số 677/VPĐK.TB-TTLT ngày 05/6/2026. Còn thửa đất khác. Thửa 115/76 diện tích 1831m2 đất ONT+CLN. Số giấy O 910092 cấp ngày 23/01/2002.	Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	- Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

6	Lê Ngọc Quang	75	10	2597,1	1125,2	1471,90	CLN	Vị trí 1 - Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	- Bị thu hồi đất nông nghiệp, diện tích còn lại của thửa đất số 10 tờ bản đồ số 75 là 1471,9m2 đất đất trồng cây lâu năm có quy hoạch là đất giao thông và đất trồng cây lâu năm. Phải di chuyển chỗ ở do nhà ở nằm trong phần diện tích thu hồi, ảnh hưởng (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở (đang xây dựng nhà ở) tại thửa đất số 178 tờ bản đồ số 73, diện tích còn lại 2745,8m2 (300m2 đất ở + 2445,8m2 đất CLN).	VB số 677/VPĐK.TB-TTLLT ngày 05/6/2026. Còn thửa đất khác. Thửa 178/73 diện tích 2745,8m2 đất ONT+CLN. Số giấy CP 085278 cấp ngày 27/9/2018.	- Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	- Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
7	Vòng Nhật Sáng và bà Tăng Sát Múi	76	481	678,8	678,8	0,00	CLN	Vị trí 1 - Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm	- Bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở khác tại địa phương (tại thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 76 theo dữ liệu DNALIS đến ngày 07/6/2026). - Hết diện tích		Còn đất ở khác (thửa 1326/76). Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	- Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
8	Trần Thị Bình	82	264	549	501,5	4776,90	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm). - Còn đất ở tại thửa đất số 857, tờ bản đồ số 83 (Khu chợ Sông Trầu)	VB số 677/VPĐK.TB-TTLLT ngày 05/6/2026. Còn thửa đất khác. Thửa 857/83 diện tích 45m2 đất ONT. Số giấy BV 359560 cấp ngày 21/01/2015.	Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.
		82	258	500	388							
		82	259	500	357,7							
		82	260	500	327							
		82	106	4441	138,9							
19	Nguyễn Văn Hoàng - Phạm Thị Thương	82	206	1000	774	226,00	CLN	Vị trí 1 - Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh.	- Bị thu hồi hết nhà ở, phải di chuyển chỗ ở (theo biên bản kiểm đếm) - Còn nhà ở khác tại thửa đất số 734, tờ bản đồ số 77 phường Trảng Bom. - Diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi là 226m2		Còn đất ở khác. Căn cứ Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai 2024, không đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.	-Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn qua phường Trảng Bom)

(Niêm yết công khai)

(Tiếp theo)

Số TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Căn cứ pháp lý	Bố trí TĐC
					Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
1	Hồ Cẩm Thi	KP2, phường Trảng Bom	74	815	-	1000,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
2	Phan Minh Bài	Khu phố 12A, phường Trảng Bom	74	899	-	843,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
3	Nguyễn Văn Cầm	Phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	75	58	-	1041,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			75	47	-	3765,2	-		
4	Đình Quốc Thanh và bà Trần Thị Thúy Vân	Ấp Thái Hòa, phường Hồ Nai	74	397	-	3399,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
5	Dương Minh Năm	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh	81	307	-	9,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

6	Trần Ngọc Kha và bà Vũ Thị Xiêm	Khu phố 10, Phường Trảng Bom	76	790	-	639,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	151	-	685,8	-		
			76	708	-	474,7	-		
			76	118	-	347,3	-		
			76	585	-	2298,6	-		
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	xã Gia Kiệm, TP Đồng Nai	74	165	-	6438,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			74	887	-	524,2	-		
			74	880	-	308,5	-		
			74	879	-	138,5	-		
			74	878	-	127	-		
			74	877	-	76,8	-		
			74	876	-	11,4	-		
			74	844	-	115,8	-		
			74	828	-	6,3	-		
			74	827	-	124,5	-		
			74	826	-	268,5	-		
			74	825	-	370,9	-		
			74	824	-	436,8	-		
			74	823	-	619,6	-		
			74	822	-	841,2	-		
74	821	-	833	-					
74	820	-	793,7	-					
74	819	-	927,2	-					

8	Phan Văn Trường; Trần Thị Thu; Nguyễn Thị Thắm; Phan Văn Đệ	KP 12A, phường Trảng Bom	76	769	-	10,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
9	Hồ Cẩm Mai, Hồ Dung Lan, Hồ Cún Mùi, Hồ Thủy Lan	phường Trảng Bom	77	442	-	7465,4	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			77	437	-	4424,3	-		
			77	443	-	1040,4	-		
			77	443	-	78,2	-		
10	Lê Văn Đức; Nguyễn Thị Hiền	Khu phố 3, phường Trảng Bom; Khu phố 3, Phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	73	269	-	702,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
11	Nguyễn Thị Liên	ấp 5, xã Trảng Bom (nay là KP 5, phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai)	74	661	-	22,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
12	Nguyễn Minh Sang	Khu Phố 5, phường Trảng Bom	73	77	-	1565,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
13	Phan Thị Ánh Nga (Nhận thừa kế ông Trương Hữu Trí - đã chết)	khu phố 2, phường An Bình, TP Đồng Nai	75	11	-	5353,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			73	99	-	1481,1	-		
14	Phan Thị Ánh Nga (Đồng thừa kế ông Trương Hữu Trí - đã chết - chưa phân chia di sản thừa kế; (Nhận chuyển nhượng) đã cấp giấy CNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Kim Tâm	Phường An Bình; Khu phố 2, phường An Bình	73	98	-	298,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
15	Mai Đình Tuấn	Phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	76	48	-	927,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	49	-	179,2	-		
			76	50	-	333,3	-		
			76	51	-	0,1	-		
			76	52	-	275	-		
			76	53	-	137,2	-		
			76	59	-	1.760	-		

16	Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Kim Ngân	phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh	76	106	-	2853,1	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
17	Lương A Cầu - Vòng Năm Múi	xã Hưng Thịnh, TP. Đồng Nai			-	5,6	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
18	Hoàng Văn Tiến và bà Đỗ Thị Hiếu	Khu phố 6, phường Trảng Bom	77	400	-	12	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
19	Nguyễn Quang Hoàng	ấp 1, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai			-	500	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
20	Nguyễn Thị Lâm	phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai	76	1165	-	2766,9	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
21	Nguyễn Văn Cường	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	416	-	288	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
22	Nguyễn Thị Hồng Hà	Gia Kiệm, Đồng Nai	74	884	-	14,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
23	Nguyễn Minh; Nguyễn Thị Hoa	ấp Đông Bắc, xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai	74	886	-	413,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
24	Hoàng Mạnh Hùng	Khu phố 6, phường Trảng Bom	76	28	-	46,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	54	-	500		
25	Bùi Văn Chinh và bà Nguyễn Thị Mai	Biên Hòa, Đồng Nai			-	4286,4	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
26	Lê Thị Hợp	phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai	73	240	-	782,9	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

27	Nguyễn Thị Đượ	14/2, ấp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh	91	20	-	267,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
28	Nguyễn Văn Vi và bà Nguyễn Thị Mai	Bình Minh, Đồng Nai	74	163	-	3634,7	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
29	Đồng Thị Vui	xã Nam Cát Tiên, Đồng Nai	82	254	-	19,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
30	Trần Đình Nghiêm	phường Trần Phú, tỉnh Hà Tĩnh	73	264	-	334,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			73	266	-	590,5	-		
31	Dương A Nhi và bà Tăng Nhi Múi	xã Trảng Bom, Đồng Nai	82	458	-	76,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
32	Vy Ngọc Vũ	xã Trảng Bom, Đồng Nai	82	440	-	1,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
33	Nguyễn Thị Oanh	phường Long Bình, Đồng Nai			-	1258,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	1258,9	-		
					-	648	-		
34	Nguyễn Văn Tịch	phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	77	351	-	662,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
35	Nguyễn Quang Chung	xã Trảng Bom, Đồng Nai	76	1123	-	993,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
36	Đặng Văn Đức và bà Lương Thị Bích Thủy	xã Trảng Bom, Đồng Nai	74	294	-	671,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			74	291	-	5334,4	-		
					-	58,8	-		
			74	671	-	6431,7	-		
37	Nguyễn Thị Khuyên	xã Trảng Bom, Đồng Nai	76	1122	-	1058,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

38	Nguyễn Thị Hằng	xã Trảng Bom, Đồng Nai	76	1120	-	1168,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
39	Vương Đăng Khánh	khu phố 11, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	76	1121	-	1099,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
40	Đỗ Đức Đình và bà Nguyễn Thị Nguyệt	khu phố 10, phường Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	74	166	-	5873,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			74	195	-	7739,6		
41	Nguyễn Thị Hải Hường, ông Phạm Quốc Hưng và bà Nguyễn Thị Lộc đồng sử dụng đất	phường Tân Hòa, thành phố Đồng Nai	76	745	-	515	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
42	Nguyễn Văn Thành	117, tổ 5, ấp 6, xã Trảng Bom	76	536	-	786,1	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			75	52	-	65,4		
			75	727	-	1.802		
			75	53	-	12,4		
			75	54	-	365		
			75	54	-	638,7		
43	Lê Đức Hòa	xã Gia Kiệm, thành phố Đồng Nai	73	85	-	80,3	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			73	85	-	3337,1		
			73	85	-	1478,3		
			73	100	-	47,4		
44	Phạm Thế Hiệu - Nguyễn Thị Khánh	TP.HCM	73	100	-	8265,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			73	100	-	4287,7		
44	Phạm Thế Hiệu - Nguyễn Thị Khánh	TP.HCM	75	639	-	1585,1	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
45	Vy Ngọc Kim	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	442	-	1574,3	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			82	46	-	2001,9		
			82	47	-	985,6		
			82	47	-	1641,6		
			82	63	-	1160,1		
82	63	-	330,9					

46	Nguyễn Thế Hà ; Nguyễn Văn Hùng	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh, Đồng Nai; xã Long Phước, Đồng Nai	82	474	-	214,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
47	Trần Đức Huy	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh, TP Đồng Nai	82	115	-	6033,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
						63,5	-		
48	Ninh Văn Sơn và bà Hoàng Thị Sùi	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	240	-	666	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
49	Báo Sâm Múi	Xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	94	-	232	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
50	Lăng Văn Đạt	phường Trảng Bom, Thành phố Đồng Nai	82	349	-	380,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
51	Nguyễn Văn Minh	khu phố 6, Phường Trảng Bom	75	46	-	1105,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
52	Nguyễn Thị Kim Nhựt	D 21, đường Lê văn Chí,p Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh			-	1.200	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
53	Bùi Duy Thanh, Nguyễn Ngọc Hóa, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Nguyễn Thị Ngọc Huyền đồng sử dụng	Thôn Đồng Lý Sơn, Quảng Ngãi	81	325	-	812,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
54	Lê Thị Thúy Hồng	Khu phố 1, phường Tam Hiệp, Đồng nai	82	400	-	3723,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
55	Nguyễn Mạnh Quyền và bà Hoa Thị Hiếu	Ấp An Bình, xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	204	-	982,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	850	-	53,3	-		
			76	851	-	499,1	-		

56	Phan Văn Trường	Phường Trảng Bom, Thành phố Đồng Nai	76	852	-	501	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	853	-	192,6	-		
			76	902	-	417,8	-		
			76	893	-	548,8	-		
			76	894	-	127,2	-		
			76	855	-	226,9	-		
57	Phan Văn Tự	phường Long Bình, thành phố Đồng Nai	76	1002	-	4080,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	998	-	336,5	-		
			76	903	-	288,9	-		
58	Bùi Thị Loan	xã Trảng Bom	76	356	-	2049,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	402	-	1006,2	-		
59	Nguyễn Thị Thảo, Dương Mỹ Lan, Phan Văn Trường, Phan Văn Đệ đồng sử dụng	Phường Trảng Bom, Thành phố Đồng Nai	76	754	-	290,4	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
60	Nguyễn Hữu Xuất	Áp 6, xã Vĩnh Tân,	74	133	-	1694,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
61	Lương Văn Hùng	khu phố 2, Phường Trảng Bom	74	769	-	974,4	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
62	Liu A Tư và bà Lùng Năng Kín	phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	82	95	-	1760,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	1.177	-		
63	Nguyễn Viết Ôn và Thân Thị Thanh Hằng	Tổ 20, KP 3A, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai	73	268	-	1035,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

64	Hồ Xuân Hương	phường Trảng Bom	74	888	-	597,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
65	Nguyễn Thị Hoa	Ấp Đông Bắc, xã Gia Kiệm	74	885	-	230,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
66	Lăng Văn Cầu	kp11, phường Trảng Bom	82	215	-	1260,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
67	Nguyễn Thúy Hằng	khu phố 6, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	76	1150	0,4	-	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	18,5	-		
68	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	73	83	-	5024,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
69	Nguyễn Thị Kim Tân	khu phố 5, phường Trảng Bom	73	78	-	2978,7	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
70	Trương Văn Thuận và bà Nguyễn Thị Lệ	phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	74	834	-	451,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			74	835	-	1072,3	-		
			74	858	-	1,2	-		
71	Nguyễn Văn Dũng	ấp Bùi Chu, xã Bình Minh	74	91	-	390,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			-	-	-	314,7	-		
			74	93	-	74	-		
			74	135	-	2146,4	-		
			-	-	-	555,6	-		
			74	136	-	3308,2	-		
-	-	-	1662,9	-					

72	Nguyễn Văn Quang; Nguyễn Văn Lùng; Nguyễn Văn Quyết; Đoàn Văn Hưng; Đồng Văn Bảo	Tổ 27, KP 4A, Phường Trảng Dài	76	1109	-	3910,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
73	Đặng Thanh Hà	phường Trảng Bom	73	239	-	1000,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			73	241	-	982	-		
			73	239	-	1000,2	-		
74	Trần Xuân Hương - Nguyễn Thị Bích Phượng	phường Trảng Bom	75	12	-	1965,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
						218,6	-		
75	Hồ Văn Xú; Hứa Thị An	Khu phố 2, Phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	74	816	-	2008,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
76	Hồ Thế Hiển	phường Trảng Bom	74	814	-	1000,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
77	Trương Văn Phán	phường Trảng Bom	74	813	-	978,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
78	Hồ Thị Như Hiền	phường Trảng Bom	74	812	-	409,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
79	Phan Ngọc Duy	khu phố 2 phường Trảng Bom	82	399	-	717,4	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
80	Nguyễn Ngọc Hiệp; Nguyễn Thị Lệ Xuân	xã Bình Minh	74	96	-	108,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			74	97	-	2573,4	-		
81	Phan Bảo Lộc	Phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	74	902	-	35,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
82	Phan Đức An	KP 12A, phường Trảng Bom	74	900	-	792,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

83	Nguyễn Đức Quỳnh; Đào Vũ Thị Bích Nhi; Nguyễn Khắc Ngọc; Lê Thị Duyên; Hoàng Công Mừng; Cao Hùng Việt; Lê Mạnh Trí; Nguyễn Thị Dung; Lê Văn Dân; Lê Thị Lan	Thôn 1, Lạng Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	81	326	-	1172,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
84	Phan Tiến Nam	Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh	74	904	-	883,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
85	Phạm Ngọc Hạnh	phường Trảng Bom	73	88	-	2511,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	1505,9			
86	Nguyễn Văn Toán	ấp 1, xã Trảng Bom	73	306	-	68	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	10,6			
87	Nguyễn Thị Thương Ly	Phường Long Bình, Đồng Nai	82	425	-	152,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
88	Trần Văn Khoa đồng sử dụng Phan Văn Hà, Nguyễn Lê Huyền, Đinh Nguyên Toàn, Hoàng Đức Đơn, Nguyễn Kim Sơn, Nguyễn Đức Khách, Cao Thị Xuân, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Duẩn, Trần Thị Lán	ấp Tân Thành, Bà Rịa	81	319	-	424,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
89	Chiu Nhục Ổn	ấp 6 xã Trảng Bom	74 (27)	169	-	473,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
90	Đương Thị Hiền	Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai	82	266	-	256	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	-			

91	Phan Anh Duy	xã Sơn Tiên, tỉnh Hà Tĩnh	74 (27)	905	-	433,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
92	Lê Xuân Công và bà Bạch Thị Hồng Lạc	Ấp Lộc Hòa, xã Hưng Thịnh	82	265	-	421,9	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
93	Phạm Minh Quang	Khu phố 30, phường Tam Hiệp, Đồng Nai	74	659	-	322,3	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
94	Quách Đình Hải	Khu phố 26, phường Bình Trưng, TPHCM	74	660	-	48,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
95	Nguyễn Văn Sâm	xã Bình Minh, Đồng Nai	74	719	-	2200,3	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
96	Trần Thị Tài Linh	Triệu Thành, Quảng Trị	74	805	-	48,5	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
97	Đỗ Thị Hồng	Khu phố 5, Phường Trảng Bom	76	535	-	305,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
98	Phạm Mạnh Dũng	Khu phố Nhi Đồng 2, P. Dĩ An, TP HCM	82 (35)	262	-	266,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
99	Lăng Khắc Thọ	phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	82	261	-	297,1	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
100	Phạm Văn Đăng - Đặng Thị Thủy Tiên - Nguyễn Văn Bướm - Nguyễn Thị Nụ	phường Trảng Bom	76	744	-	516	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
101	Vy A Cong	kp 11, phường Trảng Bom	81	230	-	2750,8	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
102	Nguyễn Kim Anh	Khu phố 12, phường Long Bình, Đồng Nai			-	982,2	Không thuộc quy định tại - Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

103	Voòng Cá Khìn	xã Hưng Thịnh	82	475	-	96,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
104	Nguyễn Hồng Diễm	Đường D4, khu phố 60, phường Tân Hưng, TPHCM	76	1107	-	85,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
105	Lê Đình Bình và bà Hoàng Thị Toan	Áp 6, Phường Trảng Bom, Đồng Nai	76	1125	-	744,7	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
106	Lâm A Múi	phường Trảng Bom	91	17	-	742,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
107	Nguyễn Văn Thanh - Trần Thị Thu Hiền	phường Trảng Bom	82	325	-	6278,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
						1572,8			
			82	444	-	614,9			
						1670,3			
108	Vy Ngọc Toàn	ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai	82	449	-	247,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
109	Vòng Hương Phú -Lý Sướng Liềng	ấp An Hòa xã Hưng Thịnh	82	225	-	2612,4	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			82	227	-	199,2	-		Không đủ điều kiện bố trí TĐC
110	Phan Văn Đệ	KP12A, phường Trảng Bom, TP Đồng Nai	76	999	-	277,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	1001	-	129,5	-		
			76	1013	-	157,2	-		
			76	1014	-	501	-		
			76	1015	-	74,5	-		
			76	1016	-	501	-		

			76	1017	-	8	-		
			76	1018	-	489,2	-		
			76	1020	-	470	-		
111	Vương Đăng Sơn	ấp 10, xã Trảng Bom	76	1139	-	638,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
112	Trần Văn Duyệt và bà Nguyễn Thị Bắc	phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai	76	385	-	318,9	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
113	Trương Văn Quới - Nguyễn Thị Bích Vân	ấp 6, xã Trảng Bom	74	168	-	1572,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
114	Nguyễn Văn Sơn và bà Hoàng Thị Hai	xã Trảng Bom, Đồng Nai	74	170	-	83	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
115	Nguyễn Thị Châm	phường Trảng Bom	82	457	-	602,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
116	Quách Thị Phước	thành phố Thủ Đức	76	1091	-	2.735	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
					-	265,8	-		
117	Nguyễn Mạnh Tiên	phường Trảng Bom	76	791	-	491,3	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
118	Đỗ Anh Minh	KP10, phường Trảng Bom	76	162	-	669,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	150	-	830,5	-		Không đủ điều kiện bố trí TĐC

119	Mai Hải Linh; Nguyễn Thanh Phan; Nguyễn Thị Thảo; Ngô Thế Vũ; Chu Thị Xuân	thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (cũ); quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (cũ); Phú Tân, thành phố Cà Mau (cũ); huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (cũ)	76	753	-	547,2	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
120	Nguyễn Thị Yêu	xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai	74	134	-	1770,5	-		
121	Đặng Văn Soạn	tổ 12, ấp 12A, xã Trảng Bom	81	256	-	9,1	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
122	Vòng A Sắt - Chiếng A Mùi	Ấp An Hòa, xã Hưng Thịnh	82	476	-	9,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
123	Phan Thị Khánh	ấp 12A, xã Trảng Bom	74	903	-	1186,7	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
124	Nguyễn Thị Huyền	phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai	74	448	-	42,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
125	Ngô Quốc Bình	xã Hưng Thịnh, Đồng Nai	82	58	-	127,5	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			82	61	-	1,4	-		
126	Trần Đoàn Thanh Tài	ấp Quang Phát xã Trảng Bom			-	83,6	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
127	Phạm Văn Nhân	Tổ 1B, Khu phố Đông An 2, Phường Bình Hòa, TP Hồ Chí Minh	82	267	-	422,8	-	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC



128	Phạm Văn Ngọc; Ông Ngô Văn Hùng; Nguyễn Thị Xuyên; Nguyễn Thị Chanh; Phạm Thị Mai; Phạm Văn Trường	phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai; Biên Hòa, TP. Đồng Nai	76 (29)	746	-	247,7	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
129	Ngô Văn Thọ; Đinh Thị Thủy	phường Trảng Bom. TP. Đồng Nai	77	252	-	388,6	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
130	Tìn A Phúc; Tìn A Pắc	phường Tân Phong, TP. Đồng Nai	76	555	-	168,8	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
131	Phan Văn Trường; Trần Thị Thu; Nguyễn Thị Thắm; Phan Văn Đệ; Trần Thị Ngọc Trinh	phường Trảng Bom, TP. Đồng Nai	76 (29)	763	-	123,1	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
132	Nguyễn Thị Kim Lang, Vòng Tháo Đường, ông Lê Ngọc Phương, ông Ngàn Phân Đậu, ông Nguyễn Đức Cường, bà Nguyễn Thị Gia Trường, bà Mai Thị Tuyết, ông In Chấn Và và ông Nguyễn Cảnh Hải đồng sử dụng đất (kiểm kê theo diện vắng chủ		76	1095		831,2	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
	Lục Thị Hương, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Hoàng Văn Hậu, ông Nguyễn Thành Luân, ông Phan Xuân Nhạ, ông Hồ Hoàng Giang, bà Nguyễn Thị Nhỏ, ông Nguyễn Sỹ Lợi, ông Tô Thanh Tuấn, bà Phạm Thị Hồng Nhung và ông Nguyễn Hữu Trường đồng sử dụng đất (kiểm đếm theo diện vắng chủ)		76	1100		230,6	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
133		phường Trảng Bom, Tp.	77	410		260,9	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật	Không đủ điều kiện bố
			77	411		308,7		
			77	412		401,		

134	Nguyễn Thị Xuân	Đồng Nai	77	413		162,	Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	trí TĐC
			77	429		1539,3		
			77	430		551,6		
			77	431		423,9		
			77	436		819,8		
135	Nguyễn Văn Tuyên và bà Lê Phương Thúy	xã An Viễn, thành phố Đồng Nai	82	223		1044,	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
136	Lê Thị Tường Vi (kiểm kê vắng chủ)	TP. Hồ Chí Minh	82	448		47,8	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
137	Nguyễn Xuân Trường (kiểm kê vắng chủ); Lê Minh (kiểm kê vắng chủ); Đặng Quốc Nhân (kiểm kê vắng chủ); Nguyễn Văn Độ (kiểm kê vắng chủ)	xóm 2, xã Hưng Tiến, tỉnh Nghệ An (cũ)	76	1098		475,4	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
138	Trần Quốc Thăng và bà Trương Thị Hào (kiểm kê vắng chủ)	xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ (cũ)	76	425		5,8	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
139	Nhị Văn Sơn và bà Đỗ Thị Hoàng Oanh (kiểm kê vắng chủ)	phường Trảng Bom, Tp. Đồng Nai	76	421		2,6	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
140	Lê Thanh Tịnh	Khu phố 12, phường Trán Biên, Tp. Đồng Nai	73	267		694,5	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
141	Huỳnh Thị Sương (kiểm đếm theo diện vắng chủ)	xã Phú Lộc, thành phố Huế	74	662		1,7	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
142	Trịnh Thị Hoàng (kiểm kê theo diện vắng chủ)	phường Hố Nai, thành phố Đồng Nai	76	362	297	61,5		
143	Nguyễn Thị Trang	phường Thanh Hải, tỉnh Bình Thuận	76	762		500	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

144	Đỗ Anh Tài (kiểm kê vắng chủ); Đoàn Thị Hằng (kiểm kê vắng chủ); Đặng Bá Thơm (kiểm kê vắng chủ); Nguyễn Bá Dương (kiểm kê vắng chủ); Nguyễn Bá Trương (kiểm kê vắng chủ); Nguyễn Thị Vân (kiểm kê vắng chủ); Bùi Minh Tuấn (kiểm kê vắng chủ); Lê Khắc Thành (kiểm kê vắng chủ); Trần Minh Dũng (kiểm kê vắng chủ); Lê Chí Hiếu (kiểm kê vắng chủ); Huỳnh Thị Thu (kiểm kê vắng chủ)	xã Liên Lộc, tỉnh Thanh Hóa (cũ)	76	1101	29,8	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
145	Ngô Thị Yến Nhi	ấp Nhân Hòa, xã Hưng Thịnh	82	415	209	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
146	Nguyễn Thị Xuân	phường Phước Tân, Tp. Đồng Nam	77	410	493,2	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
147	Trần Thị Ngọc (ông Trương Dũng đã chết)	khu phố 5, phường Trảng Bom	74	687	69	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
148	Nghiêm Văn Báu	phường Trảng bom, thành phố Đồng Nai	82	418	434,9	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
149	Trần Quốc Thắng	xã Hưng Thịnh, thành phố Đồng Nai	82	417	364,	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			82	419	756,9		
150	Lưu Thị Thu	phường Hố Nai	75	681	707,4	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
151	Lê Thị Ánh Thu - Nguyễn Văn Dũng sử dụng đất (bà Nguyễn Thị Tươi được cấp GCN.QSDĐ-cấp nhậm)	xã Bình Minh	74	162	888,3	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Không đủ điều kiện bố trí TĐC

152	Dương Hồng Cẩm	khu phố 3, xã Trảng Bom,, tỉnh Đồng Nai	74	760		4,7	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2025	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
153	Lê Duy Lương	khu phố 12 phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai	75	767		12,2	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2026	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
154	Nguyễn Văn Hường	phường Trảng Bom, Đồng Nai	81	294		2399,3	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2027	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
155	Phạm Thị Mai ĐSD	Khóm 2, phường 6, tỉnh Cà Mau	76	1099		721,7	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2028	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
156	Lê Hữu Nghị	Khu phố 6, phường Trảng Bom	76	57		340,7	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			75	55		989		
157	Lê Hữu Cẩn	Khu phố 3, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	76	56		399,2	Không thuộc quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 111 Luật Đất đai 2031	Không đủ điều kiện bố trí TĐC
			76	58		1475		
			76	74		629,3		
			75	139		126,2		
			75	140		207,2		
			75	141		462		





**Các trường hợp có tài sản tạo lập trên đất người khác, không
đủ điều kiện bố trí tái định cư**

Dự án Thành phần 1-2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng đường gom, đường
bên trên địa phận tỉnh Đồng Nai thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành
phố Hồ Chí Minh (đoạn tuyến qua phường Trảng Bom)

(Niêm yết công khai)

STT	Họ và Tên
I	Các trường hợp có nhà ở xây dựng trên đất
1	Đoàn Hà Vy tài sản tạo lập trên thửa đất số 720, tờ 76
2	Nguyễn Thị Kim Loan (tài sản xây dựng trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 76)
3	Nguyễn Thị Phương (tài sản trên thửa đất số 752, tờ bản đồ 76)
4	Nguyễn Ngọc Thủy (Tài sản trên thửa 720, tờ 76)
5	Nguyễn Long Tiến (Tài sản tạo lập trên thửa 720 tờ số 76)
6	Nguyễn Thị Liêm (Tài sản tạo lập trên thửa 759, tờ 76)
7	Chu Thị Phương (tài sản tạo lập trên thửa 752, tờ 76)
8	Lê Văn Thế (Tài sản trên thửa đất số 760, tờ 76)
9	Tạ Thị Múi (Tài sản trên thửa 752/76)
10	Nguyễn Văn Thanh- Tài sản trên thửa đất số 47, 58, tờ 75
11	Phún A Mùi (tài sản trên thửa 1093/76)
12	Lồ Phát Phúc (Tài sản xây dựng trên thửa 191, tờ 76)
13	Nguyễn Văn Dự - tài sản tạo lập trên 1p thửa đất số 720, tờ 76
14	Nguyễn Hoàng Tâm - tài sản tạo lập trên thửa đất số 720 tờ 76
15	Vũ Thanh Bình - tài sản tạo lập trên thửa đất số 720 tờ 76
16	Tào Văn Quý - tài sản tạo lập trên thửa đất số 759, tờ 76
17	Lê Thị Ngọc Hòa (Tài sản trên thửa 720/76)
18	Trương Thị Bích Thủy (Tài sản tạo lập trên thửa 752 tờ 76)
19	Nguyễn Văn Minh (tài sản tạo lập trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số 75)
20	Trần Văn Đồng (tài sản tạo lập trên thửa đất số 759, tờ bản đồ số 76)
21	Dương A Tầy (tài sản trên đất thửa 720 tờ 76)

22	Trần Hoàng Dân (Tài sản trên thửa đất số 771, tờ 76)
23	Phạm Văn Uyên (Tài sản trên thửa đất số 552, tờ 76)
24	Phạm Văn Luân (Tài sản trên thửa 58/76)
25	Lê Thị Bích (Tài sản tạo lập trên thửa 58/76)
26	Phạm Thị Hoa (tài sản xây dựng trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 76)
27	Lồ Phát Dưỡng - tài sản trên thửa đất số 191, tờ 76
28	Lê Viết Hùng - tài sản trên thửa đất số 445, tờ 76
29	Trần thị Kim Loan _ tài sản tạo lập trên thửa đất số 761 tờ số 76
II	Các trường hợp không có nhà ở xây dựng trên đất
1	Nguyễn Thị Cầu (Tài sản trên thửa 759/76)
2	Phạm Tiến Sơn - Nguyễn Thị Minh Nguyệt (tài sản trên thửa 47/75)
3	Lê Thị Ánh Thu - Cây trồng trên thửa đất số 162 tờ 74
4	Đình Văn Thiết (tài sản tạo lập trên thửa đất 1094, tờ bản đồ số 76)
5	Nguyễn Thị Thúy Hằng (Tài sản trên thửa 759, tờ 76)
6	Võ Nhất Thanh (tài sản tạo lập trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 76)
7	Nguyễn Phú Hưng (Tài sản trên đất tờ 76 thửa 720)
8	Phan Văn Thành (tài sản tạo lập trên thửa đất số 1094, tờ bản đồ số 76)
9	Dương Vũ Anh (tài sản tạo lập trên thửa đất số 720, tờ bản đồ số 75)